

Số: ~~1006~~/QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 608/QĐ-BKH ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, sáp nhập các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê, các Phòng thuộc Cục Thống kê và Chi cục Thống kê quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Cục Thống kê) là cơ quan thuộc Tổng cục Thống kê, thực hiện chức năng tổ chức, điều phối các hoạt động thống kê theo chương trình công tác của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê giao; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động thống kê trên địa bàn tỉnh/thành phố; tổ chức các hoạt động thống kê; cung cấp, công bố, phổ biến thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Đảng, chính quyền cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Cục Thống kê có tư cách pháp nhân, con dấu, trụ sở làm việc và tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động thống kê; tổ chức, chỉ đạo hướng dẫn và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê.



2. Tổ chức thu thập, tiếp nhận, xử lý, tổng hợp thông tin từ điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng dữ liệu, thông tin từ cơ sở dữ liệu hành chính do các cơ quan quản lý dữ liệu cung cấp cho hoạt động thống kê trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Bảo mật thông tin của tổ chức, cá nhân trong quá trình cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố giao sau khi Tổng cục Thống kê thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ. Tổng hợp thông tin thống kê, kết quả điều tra thống kê do các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn tỉnh/thành phố cung cấp. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh.

5. Phân tích và dự báo thống kê phục vụ việc xây dựng, đánh giá thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo kết quả điều tra, tổng điều tra thống kê; báo cáo phân tích chuyên đề; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công.

6. Biên soạn, xuất bản Niên giám thống kê và các sản phẩm thống kê khác.

7. Ban hành và tổ chức thực hiện phổ biến thông tin thống kê nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổ chức họp báo công bố thông tin thống kê kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh/thành phố.

8. Quản lý và thực hiện công bố, phổ biến, cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật và phân cấp của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

9. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê.

11. Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ thống kê đối với điều tra viên, người làm công tác thống kê Sở, ngành, doanh nghiệp, xã, phường, thị trấn và người làm công tác thống kê thuộc phạm vi quản lý của Cục Thống kê theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành thống kê, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê; giải quyết khiếu nại, tố cáo về thống kê; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê.

13. Thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

14. Ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến và công nghệ thông tin - truyền thông vào hoạt động thống kê. Triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hoạt động thống kê, công tác quản lý công chức và người lao động của Cục Thống kê.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và lao động hợp đồng; thực hiện chế độ tiền lương, chế độ phụ cấp ưu đãi nghề thống kê và các chế độ chính sách độ đãi ngộ khác; thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và đánh giá, phân loại công chức, lao động hợp đồng thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

16. Lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán kinh phí hàng năm theo hướng dẫn của Tổng cục Thống kê; quản lý tài chính, tài sản và các dự án đầu tư xây dựng được giao theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Cục Thống kê theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý, cập nhật, lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ, hồ sơ công chức, người lao động và các văn bản pháp quy của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện cung cấp dịch vụ công về thống kê theo quy định của pháp luật. Tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê để nâng cao chất lượng thông tin thống kê.

20. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

Cục Thống kê được tổ chức thành hệ thống dọc 2 cấp theo đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện, bảo đảm nguyên tắc tập trung thống nhất:

1. Cơ quan Cục Thống kê gồm 5 phòng, như sau:

- a) Phòng Thống kê Tổng hợp;
- b) Phòng Thống kê Kinh tế;
- c) Phòng Thống kê Xã hội;
- d) Phòng Thu thập Thông tin thống kê;
- đ) Phòng Tổ chức - Hành chính.

Phòng thuộc Cục Thống kê có từ 4 công chức trở xuống có Trưởng phòng; Phòng có từ 5 đến 7 công chức có Trưởng phòng và 1 Phó Trưởng phòng; Phòng có từ 8 công chức trở lên có Trưởng phòng và 2 Phó Trưởng phòng. Riêng Phòng Tổ chức - Hành chính gồm công chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

2. Chi cục Thống kê tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực (gọi chung là Chi cục Thống kê) thuộc Cục Thống kê.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Chi cục Thống kê; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng thuộc Cục Thống kê.

Điều 4. Lãnh đạo Cục Thống kê

1. Cục Thống kê có Cục trưởng và không quá 2 Phó Cục trưởng. Cục Thống kê thành phố Hà Nội và Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh có Cục trưởng và không quá 3 Phó Cục trưởng.

2. Cục trưởng và Phó Cục trưởng do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, đình chỉ công tác và khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Cục trưởng là người đứng đầu Cục Thống kê, chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của Cục Thống kê. Các Phó Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

4. Cục trưởng quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, đình chỉ công tác người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc Cục Thống kê theo quy định của pháp luật và phân cấp của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

Điều 5. Biên chế và kinh phí

1. Biên chế, công chức và chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Cục Thống kê do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quyết định hàng năm trong tổng biên chế được giao và theo chức năng, nhiệm vụ của Cục Thống kê.

2. Kinh phí hoạt động của Cục Thống kê được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực và điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2020. Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

2. Cục trưởng Cục Thống kê chịu trách nhiệm xây dựng Đề án sắp xếp các Phòng, Chi cục Thống kê thuộc Cục Thống kê bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của Đảng và quy định của pháp luật trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê phê duyệt.

3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lãnh đạo Tổng cục;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thống kê tỉnh/thành phố trực thuộc TW;
- Website Tổng cục Thống kê;
- Lưu: VT, TCCB (5b).



Nguyễn Thị Hương

